

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Toàn cầu hóa đã trở thành xu hướng tất yếu của thời đại, mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Tuy nhiên khi một thế giới bao gồm đa dạng các quốc gia, dân tộc với sự phức tạp, muôn màu của các nền kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội khác nhau thì toàn cầu hóa sẽ mở ra rất nhiều cơ hội và thách thức không nhỏ - đây là tính hai mặt của toàn cầu hóa. Trước xu hướng chung của thế giới, quá trình toàn cầu hóa đã mang lại nhiều cơ hội cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội ở nước ta, là một trong những nhân tố để cơ cấu lại và hiện đại hoá nền kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, làm tăng năng suất lao động và cải thiện thu nhập của người lao động.

Từ khóa: Toàn cầu hóa; nguồn nhân lực; đào tạo

1. Toàn cầu hóa là gì?

Toàn cầu hóa là vấn đề đã trở nên quen thuộc với tất cả các quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Về cơ bản, toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Có nhiều khái niệm về toàn cầu hoá:

Theo Nguyễn Văn Dân (2001) toàn cầu hóa là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do tính năng động của việc buôn bán hàng hóa và dịch vụ cũng như do tính năng động của sự lưu thông vốn tư bản và công nghệ.¹

Toàn cầu hóa là sự tăng cường các mối quan hệ xã hội trên toàn thế giới liên kết những địa điểm xa xôi theo một cách mà những sự kiện xảy ra ở nơi này được định hình bởi những sự kiện đang xảy ra ở nơi khác cách đó nhiều dặm và ngược lại.²

Toàn cầu hóa là quá trình chuyển dịch đến một thị trường quốc tế hợp nhất hơn

¹ Nguyễn Văn Dân (Chủ biên), (2001), *Những vấn đề cơ bản của toàn cầu hóa kinh tế*, Nxb KHXH.

² Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (2005), *Toàn cầu hóa, chuyển đổi và phát triển tiếp cận đa chiều*, Nxb Thế giới.

và phụ thuộc vào nhau hơn.³

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX: “Toàn cầu hoá là sự tự do hoá thương mại, thị trường. Toàn cầu hoá là tiến trình toàn cầu hoá về kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội được đẩy nhanh bởi công nghệ tin học và viễn thông”.

2. Vấn đề toàn cầu hóa hiện nay

2.1. Tính tất yếu của quá trình toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá đã và đang là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển của thế giới. Với quá trình phân công lao động quốc tế càng ngày đi vào chiều sâu và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ đã đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới. Quá trình này được thể hiện rất rõ trong sự gia tăng rất nhanh của trao đổi quốc tế về thương mại, dịch vụ tài chính. Cùng với sự hình thành các khu thương mại tự do và các khối liên kết trên thế giới như các tổ chức: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), ... thế giới đang sống trong quá trình toàn cầu hoá mạnh mẽ.

Toàn cầu hoá tạo ra những quan hệ kinh tế gắn bó, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới, nó giúp các quốc gia trên thế giới hiểu biết nhau, bổ xung và hỗ trợ cho nhau. Tuy nhiên, toàn cầu hoá có tính chất hai mặt, nó vừa mang tính hợp tác, vừa mang tính cạnh tranh giữa các quốc gia không chỉ giữa các nước phát triển với nhau mà cả giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển. Vì thế, toàn cầu hóa tạo ra cho các quốc gia những cơ hội và thách thức trong vấn đề phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

Đối với Việt Nam, nhận thức được xu hướng tất yếu của toàn cầu hoá nên đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để có thể tạo ra nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc có thể thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư trực tiếp. Khi đó cầu về lao động sẽ

³ Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên), (2009) *Giáo trình Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb ĐHQGHN.

tăng lên, yêu cầu đặt ra với nguồn nhân lực cũng cao lên, và tự nó sẽ vận động theo xu hướng phát triển đáp ứng nhu cầu công việc đòi hỏi.

2.2. Vai trò của nguồn nhân lực đối với quá trình toàn cầu hóa

Nếu trước đây sự phát triển của một quốc gia phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn thì ngày nay quan niệm đó đã thay đổi. Theo các nghiên cứu gần đây một nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh và bền vững cần dựa vào ba yếu tố cơ bản là áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó yếu tố và cũng là động lực quan trọng nhất của sự tăng trưởng kinh tế bền vững chính là con người.

Theo tổ chức Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), nhóm yếu tố lao động là một trong 8 nhóm yếu tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh của một quốc gia. Các nước Singapore, Hàn Quốc, Malaysia... cũng đã xác định phát triển nguồn vốn nhân lực như là yếu tố cạnh tranh cơ bản nhất. Con người vừa là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần vừa là mục tiêu, đối tượng hướng tới của quá trình phát triển, là trung tâm của sự phát triển.

2.3. Tác động của toàn cầu hoá đối với nguồn nhân lực

Toàn cầu hoá không chỉ là vấn đề của quốc gia, khu vực mà là công việc của từng cá nhân và từng tổ chức, doanh nghiệp, họ là chủ thể chính của quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên thế giới. Có thể nói toàn cầu hoá đang tạo ra yêu cầu, động lực và điều kiện để phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và nâng cao tay nghề chuyên môn kỹ thuật. Đây vừa là điều kiện thuận lợi, vừa là thách thức lớn đối với Việt Nam trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực.

Về mặt thuận lợi, toàn cầu hoá đã có một số tác động tích cực đối việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam.

Thứ nhất, toàn cầu hoá kích thích sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đòi hỏi người dân nói chung và lực lượng lao động nói riêng phải không ngừng nâng cao trình độ cho theo kịp sự phát triển của khoa học, công nghệ và yêu cầu của công việc, của cuộc sống. Đây là điều kiện và động lực quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ hai, đối với số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp có phương pháp quản lý tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại ở trong và ngoài nước, qua quá trình làm việc họ đã học tập, tiếp thu thêm về tay nghề, năng lực quản lý và tác phong làm việc hiện đại.

Bên cạnh đó toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng đã làm bộc lộ những hạn chế của lực lượng lao động Việt Nam. Đó là nghịch lý thừa lao động trên thị trường lao động nhưng vẫn thiếu cục bộ đối với một số ngành nghề đang có nhu cầu tại một số khu chế xuất, khu công nghiệp và đặc biệt là đối với thị trường lao động ngoài nước.

3. Những bất cập trong việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay

Thực trạng nguồn nhân lực nước ta hiện nay, bên cạnh những thành tựu quan trọng, cũng còn không ít những hạn chế, bất cập và đứng trước những thách thức không nhỏ. Những thành tựu quan trọng là đã hình thành được thị trường lao động với sự nỗ lực của cả 3 chủ thể: Nhà nước tạo cơ chế; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thu hút, tạo việc làm; người lao động chủ động tìm việc làm. Số lượng lao động đang làm việc trong 20 năm qua đã tăng gần một triệu người/năm, với số người được giải quyết việc làm cao gấp rưỡi số đó. Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ trên dưới 13% xuống còn dưới 4,5%. Cơ cấu lao động theo nhóm ngành đã chuyển dịch theo hướng: Tỷ trọng lao động của nông - lâm - thủy sản đã giảm từ 73% xuống còn 48,2%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 11,2% lên 22,4%; dịch vụ tăng từ 15,8% lên 29,4%...⁴

Năng suất lao động của Việt Nam còn thấp và đây là yếu tố cản trở tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhất là về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh; là nguyên nhân sâu xa, là yếu tố tiềm ẩn của lạm phát; là một trong những yếu tố làm mất cân đối kinh tế vĩ mô (nhập siêu, thâm hụt cán cân thanh toán), là lực cản của thu nhập, sức mua có khả năng thanh toán của dân cư.

⁴ www.chinhphu.vn

3.1. Chất lượng lao động chuyên môn kỹ thuật còn hạn chế

Hiện nay, quy mô lao động qua đào tạo và chất lượng lao động chuyên môn kỹ thuật của chúng ta vẫn còn có khoảng cách so với các nước có nền công nghiệp hoá và các nước phát triển. Thị trường lao động chưa đáp ứng được yêu cầu lao động trình độ chuyên môn kỹ thuật cao của các doanh nghiệp, tổ chức, kể cả doanh nghiệp FDI. Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu vực FDI và xuất khẩu lao động còn gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng chuyên gia khoa học và công nghệ mới từ nước ngoài.

Bên cạnh đó chất lượng nguồn lao động xuất khẩu tuy có tăng lên nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu của các nước trong khu vực và thế giới. Nhìn chung lao động Việt Nam còn yếu về ngoại ngữ, thiếu hiểu biết về luật pháp và văn hóa của quốc gia đến làm việc. Do đó đòi hỏi lao động Việt Nam phải được đào tạo đầy đủ, bài bản về ngoại ngữ, luật pháp, văn hóa và tác phong làm việc để có thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của nước ngoài.

3.2. Mất cân đối giữa cung và cầu lao động chuyên môn kỹ thuật

Toàn cầu hoá kinh tế tác động đến sự phát triển một số ngành nghề mới tạo ra xu hướng đào tạo chạy theo thị hiếu của người lao động, thiếu định hướng, phân luồng, dẫn đến hậu quả là đào tạo chưa gắn vào nhu cầu của các khu vực kinh tế và các ngành, mất cân đối giữa các ngành nghề đào tạo.

Số liệu tính đến tháng 12 năm 2014 cho thấy số lượng sinh viên phân theo nhóm ngành đào tạo như sau: Nhóm ngành kỹ thuật công nghệ với tỷ lệ 32,78%; nhóm ngành kinh tế chiếm tỷ lệ 27,72%; nhóm ngành sư phạm chiếm tỷ lệ 17,68%; nhóm ngành nông - lâm ngư nghiệp chiếm tỷ lệ 8,67%; nhóm ngành xã hội nhân văn chiếm 7,15%; nhóm ngành khoa học tự nhiên chiếm tỷ lệ 2,72%; nhóm ngành y - dược chiếm tỷ lệ 2,02% và cuối cùng là nhóm ngành nghệ thuật, thể dục thể thao chiếm tỷ lệ 1,26%.⁵ Thực tế này tạo ra tình trạng cung lao động chuyên môn kỹ thuật cao hơn nhiều so với cầu lao động đối với một số ngành nghề, lĩnh vực.

Đặc biệt, nước ta thiếu hụt nguồn cung lao động xuất khẩu có trình độ chuyên

⁵ www.thuchienhocmo.vn/vi/thong-tin-tin-tuc/298/Xu-huong-nganh-nghe-hot-2015.html?menu=news

môn, lành nghề. Phần lớn lao động xuất khẩu Việt Nam hiện được tuyển chọn từ lao động ở nông thôn, lao động nông nghiệp, sau đó được đào tạo cấp tốc các kỹ năng nghề tối thiểu để cung ứng cho thị trường. Nguồn lao động có trình độ, tay nghề cao đang cạn kiệt dần do hoạt động đào tạo chưa bắt kịp với sự gia tăng quy mô của hoạt động xuất khẩu lao động cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế trong những năm qua. Điều này đang làm cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tuyển đủ lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao cấp đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của nước ngoài.

3.3. Vấn đề thương mại hoá giáo dục, đào tạo

Tính đến năm 2014, cả nước có 715 cơ sở đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp đến cao đẳng, đại học. Trong đó: Trung cấp chuyên nghiệp 294 trường (công lập 196, ngoài công lập 98), Cao đẳng 214 trường (công lập 185, ngoài công lập 29), Đại học 207 trường (công lập 153, ngoài công lập 54)⁶.

Xu hướng thương mại hoá giáo dục và đào tạo cho ta thấy rõ tác động của nó đến sự phát triển nền kinh tế thị trường mở cửa ra thế giới, nhưng mặc dù điều này làm giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước nhưng cũng làm nảy sinh những mặt tiêu cực đối với phát triển nguồn nhân lực. Thương mại hoá giáo dục, đào tạo làm nảy sinh tình trạng chạy theo quy mô, ít chú trọng đến chất lượng và do đó ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực. Có một thực trạng đang báo động là do chạy theo số lượng để nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư mở trường nên các trường dân lập tuyển sinh ồ ạt, tuyển vượt chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao, do đó điểm chuẩn đầu vào thấp, sự cạnh tranh hầu như là không có. Điều này dẫn đến một bộ phận lớn người lao động sau đào tạo không đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đào tạo chưa thực sự tạo cho người lao động cơ hội tìm được việc làm.

3.4. Sự phân bổ cơ sở đào tạo chưa hợp lý

Dưới tác động của toàn cầu hoá kinh tế, tại các thành phố, đặc biệt là thành phố lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng) các cơ sở đào tạo, dạy nghề phát triển mạnh. Đặc biệt, phát triển đào tạo các nghề: công nghệ thông tin, kinh tế - quản trị

⁶ www.moet.gov.vn

kinh doanh, điện tử, điện lạnh, xây dựng, du lịch, cơ khí chế tạo và sửa chữa, điện công nghiệp.... Tình trạng thất nghiệp của lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật tại các thành phố lớn khá phổ biến.

Trong khi đó, tại nhiều địa phương (đặc biệt là các vùng núi phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long...) thiếu các cơ sở đào tạo, dạy nghề và thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật. Các chính sách thị trường lao động chưa có tác dụng nhiều đối với vùng, địa phương thiếu nhân lực chuyên môn lành nghề và lành nghề cao.

4. Một số giải pháp đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, thị trường lao động đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc sàng lọc và đánh giá chất lượng đào tạo. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cần có cách tiếp cận mới, trong đó nhấn mạnh đến năng lực giải quyết vấn đề trong những hoàn cảnh không chắc chắn và hay thay đổi. Điều này đòi hỏi đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu toàn cầu hoá cần có các giải pháp cụ thể cho từng khu vực.

4.1. Đào tạo nhân lực đáp ứng các khu công nghiệp, khu chế xuất

Để đảm bảo các khu công nghiệp, khu chế xuất phát triển có hiệu quả phải đẩy mạnh đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề. Cần tổ chức các cơ sở dạy nghề bên cạnh các khu công nghiệp, khu chế xuất. Thiết lập các mối quan hệ chặt chẽ và thường xuyên giữa các cơ sở đào tạo và dạy nghề với doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hoàn thiện thể chế thị trường lao động, đặc biệt là các hoạt động hướng nghiệp, dịch vụ giới thiệu và tư vấn việc làm, hội chợ việc làm, tăng cường thông tin và khả năng tiếp xúc giữa doanh nghiệp và người lao động.

4.2. Đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Đầu tư nước ngoài tiếp tục được coi là nguồn vốn quan trọng cho thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư nước ngoài sẽ có điều kiện tiếp nhận các công nghệ mới, kỹ thuật mới từ các nước phát triển. Mặc dù các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thu hút số lượng lao động vào làm việc không lớn, song tỷ trọng lao động qua đào tạo lại cao hơn khá nhiều các khu vực (thành phần) kinh tế

khác.

Để có thể cung cấp đủ lao động qua đào tạo cho các doanh nghiệp khu vực FDI, các địa phương có các dự án FDI cần có kế hoạch đào tạo nhân lực kịp thời theo từng loại ngành nghề, đảm bảo chất lượng để cung ứng kịp thời cho các doanh nghiệp. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp FDI tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Thiết lập mối quan hệ thường xuyên và có hiệu quả giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp FDI cũng như cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương.

4.3. Đào tạo nhân lực cho phát triển các lĩnh vực công nghệ cao

Đặc điểm sử dụng lao động của các khu công nghệ cao là tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên rất lớn và sử dụng ít lao động qua đào tạo nghề. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi các cơ sở đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ cao như: về vốn, thuế, mặt bằng, về đào tạo giáo viên, về nhập khẩu các phương tiện giảng dạy và nghiên cứu. Cần có chính sách ưu đãi và khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài vào đào tạo, nghiên cứu, sản xuất thử và huấn luyện cho lao động Việt Nam.

4.4. Đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động ở nông thôn

Để tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội được học tập, đào tạo chuyên môn và nâng cao tay nghề, trước hết chính quyền địa phương phải tổ chức hệ thống các cơ sở trường, trung tâm dạy nghề... Khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân có điều kiện cùng tham gia đào tạo và dạy nghề, trên cơ sở Nhà nước quản lý và giám sát chặt chẽ nội dung và chất lượng đào tạo. Tổ chức nhiều hình thức đào tạo khác nhau như đào tạo tập trung, vừa học vừa làm ... Để mọi người lao động có cơ hội tham gia học nghề. Ngoài ra, Nhà nước cần có chính sách, biện pháp khuyến khích ưu đãi đối với con em nông dân về học nghề như miễn giảm học phí, cấp phát tài liệu, hỗ trợ kinh phí ăn ở, đi lại ...

Phát triển các trung tâm, cơ sở dạy nghề tại các huyện để lao động nông thôn có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận với dịch vụ đào tạo nghề. Tại các trung tâm giáo dục

thường xuyên và dạy nghề cấp huyện tổ chức đào tạo các nghề dịch vụ, nghề chế biến nông, lâm, hải sản, phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế rừng hướng tới phát triển xanh và bền vững. Có chính sách ưu tiên đào tạo lao động chuyên môn kỹ thuật và lao động quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các xã. Mở rộng hệ thống tín dụng nông thôn, tín dụng đào tạo phục vụ cho nhu cầu học nghề của lao động nông thôn.

4.5. Đào tạo nhân lực cho xuất khẩu lao động

Để đảm bảo chất lượng lao động cho xuất khẩu, cần hướng vào các giải pháp chủ yếu sau đây:

Nâng cấp, chuẩn hoá các cơ sở đào tạo định hướng và bồi dưỡng nghề nghiệp cho lao động xuất khẩu. Hiện đại hoá nội dung, phương pháp giảng dạy, trang thiết bị dạy học, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên ... nhằm nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng nước ngoài.

Tăng cường thông tin thị trường lao động của các nước nhận lao động để mở rộng ngành nghề xuất khẩu và chủ động trong đào tạo lao động với cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ có khả năng cung ứng kịp thời và đầy đủ các thị trường khác nhau.

4.6. Xã hội hoá giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại và phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập và toàn cầu hoá

Bảo đảm và huy động nguồn vốn cho phát triển nhân lực; đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường các nguồn vốn cho phát triển nhân lực. Đổi mới đào tạo và dạy nghề theo hướng hiện đại, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, chủ yếu là hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Nghiên cứu, thống kê để đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với từng vùng, từng khu vực, từng lĩnh vực, ngành nghề có tay nghề cao, kiến thức chuyên môn vững vàng, kiến thức tin học, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá.

4.7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực và chuyên gia

công nghệ hiện đại

Cần phải có nhiều các chương trình hợp tác phát triển nguồn nhân lực với các tổ chức đào tạo, các nước phát triển để trao đổi, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Trong những năm qua Nhà nước đã quan tâm, đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như: Đề án 165, đề án 911, học bổng Chính phủ, ...

Xây dựng các Trung tâm chuyên giao tri thức, tư vấn nhân lực quốc tế để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực chất lượng cao của các nước trên thế giới và khu vực có hợp tác, đặt trụ sở kinh doanh tại Việt Nam.

4.8. Hoàn thiện các chính sách thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn; chính sách về thu hút giáo viên, giảng viên cho các trường dạy nghề; chính sách về thuế cho các cơ sở đào tạo ...

Cần có chính sách ưu tiên, thu hút học sinh vào học các nghề khó thu hút học sinh trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, đặc biệt là các nghề hiện đang có mức tiền lương thấp, các nghề nặng nhọc, độc hại...

Nghiên cứu xây dựng và ban hành danh mục về các cấp bậc, trình độ chuyên môn kỹ thuật nghề qua đào tạo phù hợp với danh mục nghề chung của các nước trong khu vực và thế giới. Điều này giúp cho chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, lao động Việt Nam dễ dàng được tuyển dụng vì chứng chỉ, bằng cấp tương đồng với khu vực, thế giới.

Toàn cầu hoá hiện nay đang diễn ra với những nét khác biệt hết sức lớn so với các giai đoạn trước mà nhân loại đã từng chứng kiến. Nó phản ánh xu thế khách quan, tiến lên của lịch sử nhân loại, xu thế hợp tác để cùng phát triển giữa các quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, văn hoá đến chính trị. Nó là kết quả của sự phát triển mang tính đột biến của khoa học và công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin đồng thời là sản phẩm của kinh tế thị

trường hiện đại. Bên cạnh những lợi thế, toàn cầu hóa cũng mang lại những thách thức đối với vấn đề lao động, phát triển nguồn nhân lực ở nước ta đặc biệt là cho các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, các loại hình dịch vụ hiện đại. Lao động Việt Nam còn phải khắc phục những bất cập theo chuẩn mực lao động của khu vực và quốc tế để có đủ điều kiện tham gia hội nhập.

Đi liền với toàn cầu hóa là sự cạnh tranh khốc liệt trên phạm vi toàn cầu, trên cả hai cấp độ là giữa các quốc gia và giữa các tổ chức, doanh nghiệp. Khả năng cạnh tranh được quyết định bởi năng lực tạo ra giá trị tăng thêm của các sản phẩm, dịch vụ và các quá trình hoạt động của mỗi quốc gia nói chung và của từng doanh nghiệp nói riêng. Đóng góp chủ yếu vào điều này phụ thuộc vào kiến thức và các kỹ năng của lực lượng lao động. Trên thực tế sự nghiệp giáo dục, đào tạo và năng lực của lực lượng lao động sẽ là vũ khí cạnh tranh quan trọng trong thế kỷ XXI./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2009), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, Nxb ĐHKQTĐ.
2. Nguyễn Văn Dân (Chủ biên, 2001), *Những vấn đề cơ bản của toàn cầu hóa kinh tế*, Nxb KHXH.
3. Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội IX.
4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm (2010), *Giáo trình Quản trị nhân lực*, Nxb ĐHKQTĐ.
5. Nguyễn Nam Phương (2010), *Bài giảng Quản lý Nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hoá*, Đại học Kinh tế Quốc dân.
6. Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên, 2009), *Giáo trình Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb ĐHQGHN.
7. Nguồn thông tin tại các trang web:
Chính phủ: www.chinhphu.vn
Bộ Giáo dục Đào tạo: www.moet.gov.vn
Bộ Lao động TB&XH: www.molisa.gov.vn
Tổng cục Thống kê: www.gso.gov.vn

VI TIẾN CƯỜNG

Bài đăng trên Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 11-2015